

THÔNG TƯ

Quy định về xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về việc xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dữ liệu gốc (raw data) về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo là các dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thu thập được, chưa được xử lý qua bất kỳ khâu biên tập, chuẩn hóa số liệu nào.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo là tập hợp dữ liệu gốc về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đã được phân loại, kiểm tra, đánh giá, xử lý, tích hợp, số hóa, chuẩn hóa theo chuẩn quốc gia và được sắp xếp, lưu trữ một cách hệ thống có tổ chức dưới dạng tệp tin dữ liệu lưu trên các phương tiện điện tử.

Điều 3. Kinh phí xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

1. Kinh phí xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo do ngân sách nhà nước bảo đảm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo phải nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

Chương II

XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

1. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo phải thống nhất, đồng bộ từ trung ương đến địa phương; có tính mở; bảo đảm việc trao đổi, chia sẻ, cung cấp dữ liệu giữa các ngành, các cấp được thông suốt, kịp thời; bảo đảm dữ liệu được truy cập và kết xuất thuận tiện trong việc liên kết, tích hợp giữa các cơ sở dữ liệu; được cập nhật, duy trì đầy đủ, thường xuyên.

3. Dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo phải được thu thập đầy đủ, chính xác, có hệ thống và kịp thời; trước khi cập nhật vào cơ sở dữ liệu phải được phân loại, kiểm tra, đánh giá, xử lý, tích hợp, số hóa và chuẩn hóa.

4. Cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo phải được quản lý chặt chẽ, bảo đảm an toàn thông tin, lưu trữ lâu dài, bảo vệ bí mật nhà nước; bảo đảm thuận tiện cho khai thác và sử dụng, tạo thuận lợi cho các hoạt động trên môi trường mạng.

5. Cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được xây dựng phù hợp với kiến trúc hệ thống thông tin quốc gia, đáp ứng chuẩn về cơ sở dữ liệu, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin và các quy định, quy trình, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Điều 5. Trách nhiệm xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

1. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam có trách nhiệm giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo quốc gia.

2. Cơ quan chuyên môn được giao xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo của các bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi chung là Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ) có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trong phạm vi quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân tỉnh có biển) xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ở địa phương.

4. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển có trách nhiệm quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo do mình được giao xây dựng (sau đây gọi chung là cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu).

Điều 6. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được xây dựng phù hợp với Khung cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định để bảo đảm tích hợp, hệ thống, thống nhất, đồng bộ trong phạm vi cả nước.

2. Dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trước khi được cập nhật vào cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo phải được phân loại, kiểm tra, đánh giá, xử lý, tích hợp, số hóa và chuẩn hóa theo quy định. Tùy theo loại dữ liệu, cấp độ dữ liệu, hình thức, nội dung, đặc điểm, tính chất của dữ liệu, mức độ xử lý và cấp độ phổ biến của dữ liệu để cập nhật các dữ liệu vào cơ sở dữ liệu cho hợp lý, khoa học, bảo đảm chính xác, thuận tiện và hiệu quả trong quản lý, khai thác và sử dụng, bảo đảm yêu cầu an toàn, bảo mật dữ liệu.

3. Quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy trình và Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 7. Thu thập dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

1. Việc thu thập dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được thực hiện theo các quy định của pháp luật chuyên ngành và phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện thu thập dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

3. Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ giúp bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện thu thập dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trong phạm vi quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành giúp Ủy ban nhân dân tỉnh có biển thực hiện thu thập dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trong phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 8. Cung cấp dữ liệu để xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

1. Trách nhiệm cung cấp dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo:

a) Các sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có biển, Ủy ban nhân dân cấp huyện có biển có trách nhiệm cung cấp dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo cho Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Các Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp cho Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ các dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ;

c) Các đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm cung cấp dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo cho Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ;

d) Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ có trách nhiệm cung cấp dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo của bộ, cơ quan ngang bộ khác cho Cơ quan chuyên môn thuộc bộ, cơ quan ngang bộ khác đó;

đ) Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ có trách nhiệm cung cấp dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo có liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương đó;

e) Các Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ; Sở Tài nguyên và Môi trường; đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo cho Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam;

g) Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam có trách nhiệm cung cấp cho các Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ; cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường dữ liệu liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển;

h) Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thu thập được bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

2. Dữ liệu cung cấp là toàn bộ dữ liệu gốc đã được phân loại, kiểm tra, đánh giá, xử lý, tích hợp, số hóa và chuẩn hóa theo Khung cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Văn bản cung cấp dữ liệu phải có chữ ký của Thủ trưởng cơ quan cung cấp dữ liệu và đóng dấu xác nhận, trong đó nêu rõ về nguồn gốc của dữ liệu. Đối với dữ liệu của tổ chức, cá nhân, văn bản cung cấp dữ liệu phải có chữ ký của cá nhân hoặc người đứng đầu tổ chức.

3. Hình thức cung cấp dữ liệu:

Việc cung cấp dữ liệu được thực hiện bằng hình thức gửi dữ liệu qua mạng điện tử hoặc gửi dữ liệu bằng văn bản (qua đường văn bản hành chính hoặc qua đường bưu chính).

4. Thời hạn cung cấp dữ liệu:

a) Việc cung cấp các loại dữ liệu đã được quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo hoặc cung cấp dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thời hạn thực hiện theo đúng quy định, yêu cầu;

b) Tần suất, thời gian cung cấp dữ liệu bằng hình thức gửi dữ liệu qua mạng điện tử thực hiện theo quy định, quy trình, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quy định;

c) Cung cấp dữ liệu theo định kỳ: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp dữ liệu theo các kỳ: 06 tháng (lấy dữ liệu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6); 01 năm (lấy dữ liệu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12); Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ có trách nhiệm cung cấp dữ liệu 01 năm/01 lần (lấy dữ liệu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12).